

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/DS-PT

Ngày: 07/5/2018

V/v: "Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Lê Lâm Sơn

2- Ông Phan Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm
2018 về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án
nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2018/QĐ-PT ngày
20/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1957

Bà Trần Thị H, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà H: Ông Phạm Hoàng K, sinh
năm 1984

Địa chỉ: đường Hùng Vương, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn:

Ông Lâm Văn S, sinh năm 1980

Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư Dương Thùy L, văn phòng luật sư B và cộng sự thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Thanh S1, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Ngọc T.

(Anh S1 xin vắng, các đương sự còn lại và Luật sư Liên có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Ông Đỗ Văn L và bà Trần Thị H cùng trình bày: Vào ngày 22/5/2017 vợ chồng ông bà có bán cho ông Lâm Văn S, bà Trần Ngọc T một chiếc ghe đánh bắt thủy hải sản mang biển số KG 94171TS, số 674/2015 cấp ngày 26/6/2015 cùng máy móc trên ghe. Khi mua hai bên có thỏa thuận giá mua bán là 330.000.000đồng và hạn sau 01 tháng bên mua sẽ thanh toán xong cho bên bán. Hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên ký tại Văn phòng công chứng M số tiền 600.000.000 đồng, lý do ký kết hợp đồng với số tiền 600.000.000 đồng là do ông S đề nghị để dễ làm thủ tục vay vốn ngân hàng đối với chiếc ghe này. Việc mua bán đã hoàn thành xong, bên bán đã làm thủ tục sang tên cho bên mua. Tuy nhiên từ khi mua cho đến nay phía ông S, bà T không thanh toán số tiền mua ghe như đã thỏa thuận mặc dù ông bà đã yêu cầu nhiều lần.

Nay ông bà yêu cầu ông S, bà T phải trả cho ông bà số tiền mua tàu là 330.000.000đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất từ ngày 22/5/2017 đến khi xét xử xong theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Ngoài ra ông bà không yêu cầu gì khác.

* Ông Lâm Văn S và bà Trần Ngọc T cùng trình bày: Ông bà thừa nhận vào ngày 22/5/2017 có mua lại 01 chiếc ghe biển số KG 94171TS, số 674/2015 cấp ngày 26/6/2015 cùng máy móc trên ghe của ông Đỗ Văn L, bà Trần Thị H với giá là 330.000.000 đồng. Phía ông L, bà H đã làm thủ tục sang tên xong cho vợ chồng ông bà. Tuy nhiên ông bà vẫn chưa thanh toán số tiền nêu trên cho ông L, bà H, lý do trước thời điểm hai bên mua bán với nhau thì giữa ông S và anh Đỗ Thanh S1 (con ông L) có hùn hạp làm ăn với nhau. Theo đó ông bà giao chiếc ghe biển số KG90239 TS mang tên Trần Ngọc T cho anh S1 đi đánh bắt hải sản xa bờ, phía anh S1 thì chịu những phần chi phí còn lại, lợi nhuận thì chia đôi, nếu có sự cố xảy ra thì cùng nhau chịu. Việc hai bên thỏa thuận có làm văn bản và giao cho anh S1 giữ. Quá trình làm ăn phía anh S1 không chia lợi nhuận, hiện tại thì chiếc ghe bị bắt ở Thái Lan. Ông bà đã yêu cầu phía anh S1 và ông L chuộc chiếc ghe về nhiều lần nhưng ông L không chuộc về.

Nay ông L, bà H yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền 330.000.000 đồng thì ông bà cũng đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên ông bà có yêu cầu phản tố là yêu cầu ông Đỗ Văn L và anh Đỗ Thanh S1 phải trả lại chiếc ghe biển số KG90239 TS mang tên Trần Ngọc T trị giá khoảng 700.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* Anh Đỗ Thanh S1 trình bày: Anh hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông S, bà T bởi vì giữa anh và vợ chồng ông S, bà T không có việc hùn hạp làm ăn gì với nhau. Nếu ông S, bà T cho rằng có hợp tác với nhau để đi đánh bắt cá thì anh yêu cầu ông S, bà T cung cấp chứng cứ để làm rõ vụ việc, hơn nữa việc hùn hạp để đưa tàu đi ra vùng biển nước ngoài để đánh bắt cá là vi phạm pháp luật. Anh yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của vợ chồng ông S, bà T và xin vắng mặt.

*** Tại bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:**

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Đỗ Văn L, bà Trần Thị H.

- Buộc ông Lâm Văn S, bà Trần Ngọc T phải trả cho ông Đỗ Văn L, bà Trần Thị H số tiền mua bán tàu chưa thanh toán là 330.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/5/2017 đến tháng ngày 24/01/2018 là 21.912.000đồng. Tổng cộng số tiền phải thanh toán cho ông L, bà H là 351.912.000đồng.

- Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của đồng bị đơn ông Lâm Văn S, bà Trần Ngọc T yêu cầu anh Đỗ Thanh S1, ông Đỗ Văn L trả lại chiếc tàu biển số KG90239 TS trị giá 700.000.000đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc không yêu cầu trả lại chiếc tàu biển số KG 94171TS.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 07/02/2018 bà T kháng cáo yêu cầu triệu tập những người làm chứng là Lê Hoàng S2, Nguyễn Thanh S3, Nguyễn Văn L, Trần Văn M, Nguyễn Tấn P để đối chất làm rõ vụ án và chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng bà, buộc ông Đỗ Thanh S1, ông Đỗ Văn L phải mang tàu biển số KG.90239/TS để trả cho vợ chồng bà, vợ chồng bà đồng ý trả lại số tiền mua tàu cho ông L là 330.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T, ông S xin rút toàn bộ nội dung phản tố khi nào có đầy đủ chứng cứ sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Vợ chồng bà T đồng ý trả số tiền gốc là 330.000.000đồng và xin phía nguyên đơn bỏ tiền lãi suất.

Còn người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà H đồng ý việc vợ chồng bà T rút nội dung đơn phản tố và cũng đồng ý bỏ phần lãi suất cho vợ chồng bà T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Luật sư và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông S, bà T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố và được người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông L đồng ý nên Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ giải quyết nội dung phản tố của vợ chồng bà T theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đương sự đều thừa nhận ngày 22/5/2017 vợ chồng bà T có mua lại 01 chiếc ghe biển số KG 94171TS, số 674/2015 cấp ngày 26/6/2015 cùng máy móc trên ghe của ông Đỗ Văn L, bà Trần Thị H với giá là 330.000.000 đồng đến nay chưa trả. Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng bà T đồng ý trả số tiền 330.000.000 đồng cho vợ chồng ông L và xin bỏ lãi suất, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông L cũng đồng ý không tính lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của kiểm sát viên, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự tại phiên tòa.

[3] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí sơ thẩm cần sửa lại cho phù hợp, cụ thể vợ chồng bà T phải chịu án phí có giá ngạch là: 16.500.000đồng.

Án phí trên phần yêu cầu phản tố của vợ chồng bà T phải chịu như bản án sơ thẩm là 32.000.000đồng.

Về án phí phúc thẩm: Bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 299, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, 430, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Hủy và đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của vợ chồng bà T, ông S. Sửa bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện H.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Đỗ Văn L, bà Trần Thị H.

Buộc ông Lâm Văn S, bà Trần Ngọc T phải trả cho ông Đỗ Văn L, bà Trần Thị H số tiền mua bán tàu chưa thanh toán số tiền gốc là 330.000.000đồng (ba trăm ba chục triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc không yêu cầu trả lại chiếc tàu biển số KG 94171TS.

3- Về án phí:

Vợ chồng bà T, ông S phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 16.500.000đồng, án phí trên phần yêu cầu phản tố là 32.000.000đồng, không phải chịu án phí phúc thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 16.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000475 ngày 10/10/2017 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000đồng theo lai thu số 0003305 ngày 08/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Vợ chồng bà T, ông S phải nộp tiếp số tiền 32.200.000đồng (ba mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ông L, bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.250.000 đồng theo lai thu số 0009158 ngày 05/9/2017 và số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo lai thu số 0009191 ngày 03/10/2017 (do Lê Thị H nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên